

Biểu VT-05

Ban hành kèm theo TT số 04/2022/TT-BTTTT

Ngày nhận báo cáo: Trước ngày 10 tháng tiếp theo quý

DUNG LƯỢNG KẾT NỐI INTERNET QUỐC TẾ**Quý 2/2024**

Đơn vị báo cáo:
Công ty TNHH MTV Viễn thông quốc tế FPT

Đơn vị nhận báo cáo:
Cục VT

TT	Công kết nối quốc tế của doanh nghiệp	Điểm cập bờ, Điểm kết nối qua biên giới tại Việt Nam	Điểm kết cuối kết nối của đối tác	Phương thức kết nối	Dung lượng băng thông quốc tế trang bị -Lit /equipped capacity (Gbps)	Dung lượng băng thông kết nối peering quốc tế (Gbps)	Dung lượng băng thông quốc tế sử dụng - Used capacity (Gbps)
A	B	C	D	E	1	2	3
<i>(Tại Việt Nam)</i>							
1	FPT-Cầu Giấy, 17 Phố Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam	- Đồng Đăng, Cao Lộc, Lạng Sơn - Tân Thanh, Văn Lãng, Lạng Sơn	MegaI Building, 399 Chai Wan Rd, Chai Wan, Hongkong	Cáp quang đất liền	1,360.0	1,360.0	226.3
2	FPT-EPZ, Đường số 19, KCX Tân Thuận, Quận 7, TP HCM	196 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.Thắng Tam, Tp Vũng Tàu	Building No.270, Tong Fuk South Lantau Road, Lantau Island, HongKong	Cáp quang biển AAG	550.0	550.0	50.1
3	FPT-Đà Nẵng, Số 182, Đường 2 Tháng 9, Hòa Cường Bắc, Hải Châu, Đà Nẵng	DaNang International Cable Landing station, 38 Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	APG SGP landing station	Cáp quang biển APG	360.0	360.0	3.6
4	FPT-EPZ, Đường số 19, KCX Tân Thuận, Quận 7, TP HCM	B2 đường D5, KDL Thanh Bình, P.10, Tp Vũng Tàu	1 Changi North Rise, 498817 Singapore	Cáp quang biển IA	240.0	240.0	42.8
5	FPT-EPZ, Đường số 19, KCX Tân Thuận, Quận 7, TP HCM	B2 đường D5, KDL Thanh Bình, P.10, Tp Vũng Tàu	AAE-1 Singapore (AAE)	Cáp quang biển AAE	100.0	100.0	42.5
6	FPT-EPZ, Đường số 19, KCX Tân Thuận, Quận 7, TP HCM	B2 đường D5, KDL Thanh Bình, P.10, Tp Vũng Tàu	AAE-1 HongKong (AAE)	Cáp quang biển AAE	50.0	50.0	37.7

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU

(Thông tin người thực hiện)

Lê Trung Hiếu
(0903291143)

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

a) *Khái niệm, phương pháp tính*

Dung lượng kết nối Internet quốc tế là tổng dung lượng các đường truyền kết nối Internet quốc tế của các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ truy nhập Internet tại Việt Nam tính đến thời điểm cuối kỳ báo cáo.

b) *Cách ghi biểu*

Cột Nội dung

- (A) Thứ tự các cổng kết nối Internet quốc tế.
 - (B) Ghi tên từng điểm hiện diện (POP - Point of Presence) và địa chỉ cụ thể của POP. Ví dụ: POP_ Cầu giấy, 115 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội. Trường hợp điểm hiện diện đặt tại nước ngoài thì ghi theo địa chỉ nước ngoài tương ứng.
 - (C) Ghi vị trí điểm trung chuyển kết nối quốc tế trên biển, trên đất liền qua biên giới tại Việt Nam. Ví dụ: phường 10, thành phố.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
 - (D) Ghi tên POP và địa chỉ, tên quốc gia đặt POP có kết nối đi quốc tế của đối tác mà doanh nghiệp kết nối đến.
 - (E) Ghi phương thức kết nối: cáp quang đất liền, cáp quang biển, viba, vệ tinh. Ghi rõ tên tuyến cáp, tên vệ tinh (V: TVH, AAG, IA,... vệ tinh VINASAT1,...).
- (1) Tổng dung lượng băng thông quốc tế bao gồm các kết nối quốc tế thông qua các phương thức truyền dẫn cáp quang, sóng vô tuyến và vệ tinh lũy kế đến cuối kỳ báo cáo (đơn vị Gbit/s). Nếu lưu lượng không cân bằng, như lưu lượng chiều về (từ quốc tế về Việt Nam) và chiều ra (từ Việt Nam đi quốc tế) không bằng nhau thì lấy lưu lượng cao nhất để sử dụng thống kê.
 - (2) Tổng băng thông kết nối trực tiếp (ngang hàng) với đối tác nước ngoài.
Tổng lưu lượng sử dụng trung bình của tất cả các kết nối quốc tế bao gồm cáp quang, kết nối sóng vô tuyến và vệ tinh (đơn vị Gbit/s) đến cuối kỳ báo cáo. Đối với từng kết nối quốc tế độc lập, nếu lưu lượng không cân bằng, như lưu lượng chiều về (từ quốc tế về Việt Nam) và chiều ra (từ Việt Nam đi quốc tế) không bằng nhau thì lấy lưu lượng cao nhất để sử dụng thống kê.
 - (3) Lấy trung bình cộng lưu lượng sử dụng của kỳ báo cáo.

c) *Nguồn số liệu*